

Số: 1343/VPCP-KSTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

Tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 02 năm 2024

UBND TỈNH KHÁNH HÒA	
ĐẾN	Số: 1298
	Ngày: 04/3
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao <sup>1</sup> , trên cơ sở báo cáo của các bộ, ngành, địa phương và dữ liệu từ Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (DVCQG), Văn phòng Chính phủ báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tháng 02 năm 2024 như sau:

Kính gửi: Chính phủ.

### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

#### 1. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Tại Phiên họp thường kỳ tháng 01 năm 2024, Chính phủ đã đánh giá công tác hoàn thiện thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nhất là cải cách TTHC được tập trung thực hiện; tuy nhiên, TTHC trên một số lĩnh vực còn rườm rà, chậm được sửa đổi. Trên cơ sở đó, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo, yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung thực hiện quyết liệt, hiệu quả cải cách hành chính, nhất là TTHC gắn với cải thiện môi trường kinh doanh, chuyển đổi số; thường xuyên rà soát để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh; khẩn trương thực hiện quyết liệt Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2024; đổi mới mạnh mẽ, toàn diện việc giải quyết TTHC theo Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ<sup>2</sup>; tích cực triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024<sup>3</sup>.

Tại Phiên họp thứ bảy Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ, trực tuyến với 63 địa phương, Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiều nhiệm vụ trọng tâm trong công tác cải cách hành chính nói chung và tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC trong thời gian tới<sup>4</sup>.

Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ đã họp Phiên thứ ba để đánh giá kết quả công tác cải cách TTHC năm 2023 và xác định nhiều nhiệm vụ

<sup>1</sup> Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 09/01/2024 của Chính phủ; Công điện số 644/Đ-ĐTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 20/NQ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ.

<sup>3</sup> Ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại Công văn số 1071/VPCP-KSTT ngày 20/02/2024.

<sup>4</sup> Thông báo số 53/TB-VPCP ngày 15/02/2024 của Văn phòng Chính phủ.

trọng tâm năm 2024<sup>5</sup>; đồng thời, ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Tổ công tác<sup>6</sup> làm cơ sở để các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Danh mục nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông ưu tiên tái cấu trúc quy trình tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2024<sup>7</sup>.

## 2. Về cải cách quy định TTHC

### a) Kết quả kiểm soát quy định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động **100** TTHC tại **07** dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)<sup>8</sup>, thực hiện thẩm định **50** TTHC quy định tại **06** dự thảo VBQPPL<sup>9</sup>. Tính 02 tháng đầu năm 2024, các bộ, ngành, địa phương đã đánh giá tác động đối với **239** TTHC tại **23** dự thảo VBQPPL và thẩm định đối với **184** TTHC tại **20** dự thảo VBQPPL.

Văn phòng Chính phủ đã thẩm tra đối với **07** TTHC, **02** quy định kinh doanh (QĐKD) tại **03** dự thảo Nghị định, trong đó, đề nghị không quy định **01** TTHC, sửa đổi, bổ sung **06** TTHC, **02** QĐKD. Tính 02 tháng đầu năm 2024, đã thẩm tra đối với **124** TTHC, **11** QĐKD tại **12** VBQPPL, trong đó đã đề nghị không quy định **06** TTHC, sửa đổi, bổ sung **22** TTHC, **04** QĐKD.

Bên cạnh đó, **06** cơ quan ban hành mới **49** TTHC, sửa đổi bổ sung **109** TTHC và bãi bỏ **160** TTHC.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

### b) Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC

(1) Về cắt giảm, đơn giản hóa QĐKD theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ:

Trong tháng, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **21** QĐKD tại **10** VBQPPL thuộc phạm vi quản lý của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Bộ Công Thương<sup>10</sup>. Bộ Y tế và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định<sup>11</sup> và ban hành theo thẩm quyền 07 Thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa **126** QĐKD (gồm: **125** TTHC, **01** chế độ báo cáo), nâng tổng số QĐKD được cắt giảm từ năm 2021 đến nay là **2.905** QĐKD (gồm: **1.542** TTHC, **161** yêu cầu điều kiện, **88** chế độ báo cáo, **154** quy chuẩn, tiêu chuẩn và **960** mặt hàng kiểm tra chuyên ngành) tại **236** VBQPPL (gồm: **17** luật, **64** nghị định, **04** quyết định của Thủ tướng Chính phủ, **149** thông tư, thông tư liên tịch và **02** văn bản khác), trên tổng số **15.801** QĐKD được cập nhật, công khai trên Cổng Tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh.

<sup>5</sup> Thông báo số 71/TB-VPCP ngày 28/02/2024 của Văn phòng Chính phủ.

<sup>6</sup> Quyết định số 16/QĐ-TCTCCTTHC ngày 07/02/2024 của Tổ Công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>7</sup> Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024.

<sup>8</sup> Gồm: 02 Luật, 02 Nghị định, 01 Thông tư, 02 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh.

<sup>9</sup> Gồm: 01 Luật, 02 Nghị định, 01 Thông tư, 01 Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh và 01 Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

<sup>10</sup> Quyết định số 144/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 và Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 29/02/2024.

<sup>11</sup> Nghị định số 88/2023/NĐ-CP ngày 11/12/2023 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023

Hiện tại, Bộ Tài chính đang hoàn thiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

*(Chi tiết tại Phụ lục II)*

(2) Về phân cấp trong giải quyết TTHC theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, có 07 Bộ<sup>12</sup> đã thực thi phương án phân cấp 39 TTHC (trong đó: 08 TTHC phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới, 31 TTHC phân cấp trong nội bộ các cơ quan) tại 04 Nghị định, 03 Thông tư, nâng tổng số TTHC được phân cấp theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg từ năm 2022 đến nay là **195/699** TTHC, đạt **27,8%** (không bao gồm 03 TTHC do các bộ tự chủ động phân cấp).

Đến nay, đã có 17/21 bộ, cơ quan thực hiện phân cấp trong giải quyết TTHC (trong đó, 03 cơ quan đã thực hiện phân cấp đạt 100%, 05 bộ đạt từ 50% trở lên, 09 bộ đạt dưới 50%). Còn 04 bộ<sup>13</sup> chưa thực hiện phân cấp theo phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Tổng số TTHC còn tiếp tục phải thực hiện phân cấp là **504** TTHC (gồm: 184 TTHC được quy định tại 31 luật thuộc thẩm quyền của Quốc hội; 320 TTHC được quy định tại 138 văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ).

*(Chi tiết tại Phụ lục III)*

(3) Về đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Trong tháng, Bộ Tài chính tích cực hoàn thiện đề trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án đơn giản hóa đối với 18 TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực công sản (trong đó, dự kiến phân cấp, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, trình tự thực hiện, rút ngắn thời gian giải quyết các TTHC). Bên cạnh đó, các bộ, địa phương đang rà soát để công bố bổ sung danh mục TTHC nội bộ theo yêu cầu của Tổ trưởng Tổ công tác cải cách TTHC tại Công văn số 100/TCTCCTTHC ngày 14 tháng 11 năm 2023 và Kế hoạch công tác cải cách TTHC năm 2024.

(4) Về thực thi 19 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư:

Tính đến nay, các bộ, ngành đã đơn giản hóa **658/1.086** TTHC được giao tại các Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư, đạt **61%**; có 06 bộ, ngành<sup>14</sup> đã hoàn thành thực thi 100% phương án đơn giản hóa. Hiện còn **428** TTHC quy định tại **104** VBQPPL (gồm: 02 Luật, 29 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 66 Thông tư, Thông tư liên tịch) chưa được thực hiện theo phương án đơn giản hóa.

<sup>12</sup> 07 bộ gồm: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Tài chính, Công Thương.

<sup>13</sup> 04 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nội vụ, Tư pháp.

<sup>14</sup> 06 bộ, ngành gồm: Công an, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ giao các bộ, cơ quan chưa hoàn thành việc thực thi phương án tại các Nghị quyết về đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư phối hợp với Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ để rà soát và đề xuất điều chỉnh, đưa ra lộ trình sửa đổi VBQPPL<sup>15</sup>, đến nay đã có 08 bộ, cơ quan<sup>16</sup> báo cáo về vấn đề này.

### 3. Về cải cách việc thực hiện TTHC

#### a) Các chỉ số đánh giá chất lượng trong thực hiện TTHC, dịch vụ công<sup>17</sup>:

(1) *Chỉ số công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC*: tại các bộ, ngành, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt **31,1%**, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt **17,51%** (1.308.296/7.468.260 hồ sơ); tại các địa phương, tỷ lệ TTHC cập nhật, công khai đúng hạn đạt **45,41%**, tỷ lệ đồng bộ, công khai quá trình giải quyết hồ sơ TTHC đạt **33,03%** (1.164.766/3.525.613 hồ sơ).

(2) *Chỉ số về tiến độ, kết quả giải quyết TTHC*: Tỷ lệ hồ sơ TTHC xử lý đúng hoặc trước hạn tại bộ, ngành đạt **4,08%** (53.378/1.308.296 hồ sơ) và tại các địa phương là **77,81%** (906.305/1.164.766 hồ sơ).

(3) *Chỉ số về cung cấp dịch vụ trực tuyến*: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành, đạt **8,89%** (664.196/7.468.260 hồ sơ); tại các địa phương, đạt **14,58%** (514.281/3.525.613 hồ sơ). Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **39,34%** (131/333 TTHC), tại các địa phương đạt **52,03%** (641/1.232 TTHC); tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt **44,34%** (74.072/167.052 hồ sơ), tại các địa phương đạt **35,12%** (420.323/1.196.840 hồ sơ).

(4) *Chỉ số về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC*: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **50,73%** (663.636/1.308.296 hồ sơ), tại các địa phương đạt **52,07%** (606.493/1.164.766 hồ sơ); tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt **50,73%** (663.686 kết quả giải quyết TTHC/1.308.296 kết quả cần cấp), tại các địa phương đạt **52,07%** (606.494 kết quả giải quyết TTHC/1.164.766 kết quả cần cấp); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt **1,77%** (23.117/1.306.050 hồ sơ), tại các địa phương đạt **8,69%** (101.952 /1.173.210 hồ sơ).

#### b) Kết quả đánh giá chất lượng thực hiện TTHC, DVCTT:

Trong tháng 02/2024, Bộ Quốc phòng có điểm **Khá**, 02 Bộ (*Công Thương, Tư pháp*) có điểm **Trung bình**, còn lại tất cả đều có điểm đánh giá **Dưới trung bình** (thấp nhất là: *Bộ Kế hoạch và Đầu tư*); 09 địa phương có điểm **Khá** (*Bình Dương, Cà Mau, TP Cần Thơ, Nam Định, Hà Nam, Thái Nguyên, Hưng Yên, Quảng Trị, An Giang*), 46 địa phương có điểm đánh giá **Trung bình** và 08 địa phương có điểm đánh giá **Dưới trung bình** (thấp nhất là *UBND tỉnh Bạc Liêu*).

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

<sup>15</sup> Tại Thông báo số 06/TB-VPCP ngày 06/01/2024.

<sup>16</sup> Gồm: Bộ Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

<sup>17</sup> Số liệu phân tích theo Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại thời điểm ngày 27/02/2024.

#### 4. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

##### a) Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính

Trong tháng, các bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận 2.970 PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định và hành vi hành chính và có 16.032 PAKN từ tháng trước chuyển sang, nâng tổng số PAKN phải xử lý là 19.002 PAKN (trong đó, PAKN thuộc phạm vi xử lý của Bộ Công an là chủ yếu - 17.635 PAKN). Các PAKN chủ yếu về giải quyết hồ sơ của người dân liên quan đến cấp hộ chiếu phổ thông, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp Phiếu lý lịch tư pháp, ... Các bộ, ngành, địa phương đã xem xét, xử lý 2.256/19.002 PAKN, đạt 12% (trong đó, các bộ, ngành đã xử lý 1.536/18.068 PAKN, đạt 9%, các địa phương đã xử lý 720/934 PAKN, đạt 77%).

(Chi tiết tại Phụ lục V)

Văn phòng Chính phủ đã nghiên cứu, có ý kiến và trả lời theo thẩm quyền đối với đề xuất, kiến nghị cụ thể của các bộ, ngành, địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

##### b) Về xử lý PAKN của doanh nghiệp tại Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ

Trong tháng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, xử lý 03 PAKN; nâng tổng số PAKN của doanh nghiệp nêu tại Nghị quyết số 97/NQ-CP được xem xét, xử lý là 397/401, đạt 99%; còn 03 PAKN chưa được xem xét, xử lý (thuộc phạm vi xử lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

##### c) Về xử lý các đề xuất, kiến nghị của các cơ quan thành viên Hội đồng tư vấn cải cách TTHC gửi Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ

Trong tháng, Cơ quan thường trực của Tổ công tác đã tiếp nhận và chuyển 26 PAKN để các bộ, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, xử lý (chưa bao gồm 14 PAKN từ kỳ trước chuyển sang); có 03 bộ<sup>18</sup> đã nghiên cứu, trả lời 07 PAKN; các PAKN còn lại đang được các Bộ tiếp tục nghiên cứu, xử lý<sup>19</sup>.

## II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

### 1. Những mặt đạt được

Trên cơ sở chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã tích cực, chủ động triển khai các nhiệm vụ được giao ngay từ những tháng đầu năm 2024, phấn đấu hoàn thành thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra với phương châm lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm phục vụ.

### 2. Tồn tại, hạn chế

<sup>18</sup> Gồm các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông.

<sup>19</sup> Gồm các Bộ: Tài chính, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Công an, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Ngoại giao, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Thông tin và Truyền thông.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách TTHC trong tháng 02 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

(1) Việc rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ, nhất là các nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên, cũng như công bố bổ sung danh mục TTHC nội bộ theo yêu cầu của Tổ công tác cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu.

(2) Còn 04 bộ<sup>20</sup> chưa thực hiện phân cấp TTHC theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg, trong đó có nhiều phương án phân cấp đã quá thời hạn, nhiều phương án phân cấp thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng chưa được các bộ chủ động thực thi<sup>21</sup>.

(3) Chưa quan tâm xem xét, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính<sup>22</sup>; một số PAKN của doanh nghiệp tại Nghị quyết số 97/NQ-CP đến nay vẫn chưa được các bộ trả lời<sup>23</sup>.

(4) Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nhất là việc kết nối, chia sẻ, tái sử dụng kết quả số hóa còn chậm.

### **3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế nêu trên là do tại một số bộ, ngành, địa phương vẫn chưa quyết liệt trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác cải cách TTHC; một số bộ phận, cán bộ, công chức, viên chức chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm trong thực thi công vụ; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ, kịp thời.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 03 NĂM 2024**

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác cải cách TTHC, đề nghị các bộ, ngành, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời các quy định, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó tập trung triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm việc kiểm soát các quy định về TTHC, yêu cầu, điều kiện kinh doanh, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo, danh mục hàng hóa kiểm tra chuyên ngành ngay trong quá trình xây dựng VBQPPL.

2. Thực hiện nghiêm, đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tại các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ liên quan đến cải cách TTHC, QĐKD, đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông, phân cấp trong giải quyết TTHC, bảo đảm đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả.

3. Kịp thời tiếp nhận, xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; đồng thời, xử lý dứt điểm các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp được nêu tại mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ.

<sup>20</sup> 04 bộ gồm: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nội vụ, Tư pháp.

<sup>21</sup> Bộ Công Thương, Bộ Y tế, ....

<sup>22</sup> Đến ngày 25/02/2024, vẫn còn tồn 16.746 PAKN chưa được xem xét, xử lý, trong đó, chủ yếu PAKN thuộc phạm vi xử lý của Bộ Công an (16.391 PAKN chưa được xem xét, xử lý).

<sup>23</sup> Còn 03 Bộ chưa xử lý dứt điểm các PAKN gồm: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

4. Công khai kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công cấp bộ, cấp tỉnh, Cổng thông tin điện tử của bộ, cơ quan, địa phương để tổ chức, cá nhân theo dõi, giám sát.

#### IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở tình hình, kết quả và những tồn tại, hạn chế trong công tác cải cách TTHC tháng 02 năm 2024, Văn phòng Chính phủ kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

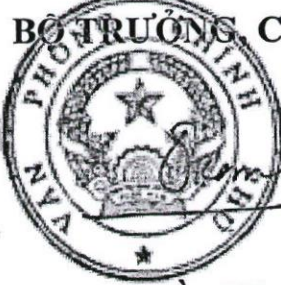
1. Tập trung triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Báo cáo nêu tại Mục III và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xem xét, trả lời những đề xuất, kiến nghị của các bộ, ngành, địa phương theo thẩm quyền nêu tại Phụ lục VII kèm theo Báo cáo này; đồng thời, gửi kết quả về Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo.

2. Bộ Ngoại giao xem xét, sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2020/TT-BNG ngày 25 tháng 9 năm 2020 về hướng dẫn việc cấp, gia hạn, hủy giá trị sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ; cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực nhằm tiếp tục đơn giản hóa TTHC, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả cải cách TTHC tháng 02 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 03 năm 2024, Văn phòng Chính phủ kính trình Chính phủ./.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTgCP (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, Cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg, các PTTg, các Vụ, Cục: TH, KTTH, PL, KGVX, NC, CN, NN, ĐMDN, TCCV, TCCB;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  
  
Trần Văn Sơn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**SAO Y**

Số: 28 /SY-UBND

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 3 năm 2024

#### Nơi nhận:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, PT, HL, ĐL.

**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG**  
  
Nguyễn Thanh Hà

**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC BÃI BỎ TTHC**  
**TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**  
**THÁNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024  
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số lượng TTHC đã được công bố, công khai				Ghi chú
		Chia ra:			Cộng	
		TTHC quy định mới	TTHC sửa đổi, bổ sung	TTHC bãi bỏ		
A	B	1	2	3	4=(1+2+3)	C
<b>BỘ, NGÀNH</b>		<b><u>49</u></b>	<b><u>109</u></b>	<b><u>160</u></b>	<b><u>318</u></b>	
1	Bộ Giao thông vận tải	1	40	2	43	
2	Bộ Quốc phòng	0	14	0	14	
3	Bộ Tài chính	5	21	39	65	
4	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	2	0	5	
5	Bộ Y tế	40	20	116	176	
6	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0	12	3	15	
<b>ĐỊA PHƯƠNG</b>		<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>0</u></b>	





**Phụ lục III**  
**KẾT QUẢ PHÂN CẤP TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THÁNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024  
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, cơ quan	Tổng số TTHC đã được phê duyệt phương án phân cấp			Số TTHC đã được thực thi phương án phân cấp										Số TTHC còn tiếp tục phân cấp
					Trong tháng 02/2024			Cộng từ tháng 01 đến tháng 02/2024			Tổng số từ năm 2022 đến tháng 02/2024				
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ % so với tổng số	
			Phân cấp theo QĐ 1015 của TTgCP	Bộ, CQ chủ động phân cấp		Phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới (kể cả ngành dọc)	Phân cấp trong nội bộ của bộ, cq, từng cấp CQ địa phương		Phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới (kể cả ngành dọc)	Phân cấp trong nội bộ của bộ, cq, từng cấp CQ địa phương		Phân cấp từ cấp trên xuống cấp dưới (kể cả ngành dọc)	Phân cấp trong nội bộ của bộ, cq, từng cấp CQ địa phương		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=(1-10)
<b>Tổng số</b>		<b>702</b>	<b>699</b>	<b>3</b>	<b>39</b>	<b>8</b>	<b>31</b>	<b>42</b>	<b>9</b>	<b>33</b>	<b>198</b>	<b>79</b>	<b>119</b>	<b>28%</b>	<b>504</b>
1	Ngân hàng NN Việt Nam	20	20	0	0	0	0	0	0	0	20	15	5	100%	0
2	Thanh tra Chính phủ	3	3	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	100%	0
3	Ủy ban dân tộc	2	2	0	0	0	0	0	0	0	2	2	0	100%	0
4	Bộ Quốc phòng	40	40	0	15	0	15	15	0	15	33	0	33	83%	7
5	Bộ Lao động - TB và XH	3	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	67%	1
6	Bộ Giao thông vận tải	58	58	0	4	0	4	5	0	5	38	10	28	66%	20
7	Bộ Xây dựng	17	15	2	0	0	0	1	1	0	9	8	1	53%	8
8	Bộ Tài nguyên và MT	36	36	0	0	0	0	0	0	0	18	9	9	50%	18
9	Bộ Văn hóa, TT và DL	25	25	0	6	0	6	6	0	6	11	2	9	44%	14
10	Bộ Thông tin và TT	66	66	0	0	0	0	0	0	0	19	0	19	29%	47
11	Bộ Nông nghiệp và PTNT	49	49	0	0	0	0	0	0	0	13	8	5	27%	36
12	Bộ Công an	49	49	0	0	0	0	0	0	0	11	11	0	22%	38
13	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	26	26	0	2	0	2	2	0	2	4	2	2	15%	22
14	Bộ Giáo dục và Đào tạo	19	19	0	0	0	0	1	0	1	2	0	2	11%	17
15	Bộ Công Thương	45	45	0	5	5	0	5	5	0	5	5	0	11%	40
16	Bộ Tài chính	46	46	0	4	0	4	4	0	4	4	0	4	9%	42
17	Bộ Y tế	70	69	1	3	3	0	3	3	0	4	4	0	6%	66
18	Bộ Khoa học và CN	12	12	0	0			0			0			0%	12
19	Bộ Ngoại giao	2	2	0	0			0			0			0%	2
20	Bộ Nội vụ	55	55	0	0			0			0			0%	55
21	Bộ Tư pháp	59	59	0	0			0			0			0%	59

**Phụ lục IV**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**  
**THEO BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP**  
**THÁNG 02 NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024  
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong tháng 02/2024	Tăng (+), giảm (-) so với T01/2024	Ghi chú
<b>BỘ, NGÀNH</b>				
1	Bộ Quốc phòng	72,84	(+) 6,8	
2	Bộ Công thương	60,98	(-) 16,6	
3	Bộ Tư pháp	52,65	(+) 4,9	
4	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	49,86	(+) 1,2	
5	Bộ Công an	46,14	(-) 0,1	
6	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	38,64	(-) 6,9	
7	Bộ Giao thông vận tải	38,04	(-) 7,1	
8	Bộ Xây dựng	33,91	(-) 21,4	
9	Bộ Tài nguyên và Môi trường	32,4	(-) 1,5	
10	Bộ Tài chính	32,38	(-) 8,2	
11	Bộ Thông tin và Truyền thông	30,29	(-) 4,8	
12	Bộ Giáo dục và Đào tạo	28,57	(-) 16,7	
13	Bộ Khoa học và Công nghệ	27,62	(+) 3,4	
14	Bộ Nội vụ	26,94	(-) 3,7	
15	Bộ Ngoại giao	26,77	(-) 1,4	
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	25,98	(-) 11,1	
17	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25,36	0,0	
18	Bộ Y tế	25,3	(+) 2,2	
19	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	20,86	(-) 4,8	
20	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	19,04	(-) 0,2	
<b>ĐỊA PHƯƠNG</b>				
1	UBND tỉnh Bình Dương	79,12	(+) 0,87	
2	UBND tỉnh Cà Mau	79,06	(-) 5,44	
3	UBND Thành phố Cần Thơ	74,86	(-) 3,11	
4	UBND tỉnh Nam Định	72,15	(-) 3,83	
5	UBND tỉnh Hà Nam	71,59	(-) 3,55	
6	UBND tỉnh Thái Nguyên	71,18	(-) 9,61	
7	UBND tỉnh Hưng Yên	70,95	(-) 3,53	
8	UBND tỉnh Quảng Trị	70,94	(-) 0,76	
9	UBND tỉnh An Giang	70,05	(-) 0,92	

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong tháng 02/2024	Tăng (+), giảm (-) so với T01/2024	Ghi chú
10	UBND tỉnh Hà Giang	69,23	(-) 6,31	
11	UBND tỉnh Bình Định	68,21	(-) 12,53	
12	UBND tỉnh Lào Cai	67,37	(-) 9,17	
13	UBND tỉnh Thanh Hóa	67,14	(+) 0,92	
14	UBND tỉnh Tuyên Quang	66,64	(-) 1,06	
15	UBND tỉnh Lâm Đồng	65,73	(-) 12,27	
16	UBND tỉnh Hải Dương	65,42	(-) 5,53	
17	UBND tỉnh Lạng Sơn	65,41	(-) 4,75	
18	UBND tỉnh Quảng Ngãi	64,87	(-) 3,00	
19	UBND tỉnh Kon Tum	64,67	(-) 6,88	
20	UBND tỉnh Nghệ An	64,67	(-) 2,56	
21	UBND tỉnh Kiên Giang	64,4	(-) 7,74	
22	UBND tỉnh Hòa Bình	63,62	(-) 7,85	
23	UBND tỉnh Quảng Nam	63,44	(-) 9,71	
24	UBND tỉnh Bắc Giang	63,17	(-) 14,52	
25	UBND tỉnh Đắk Lắk	62,84	(-) 5,81	
26	UBND tỉnh Bắc Kạn	62,72	(-) 5,45	
27	UBND tỉnh Vĩnh Phúc	62,24	(-) 3,29	
28	UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	62,17	(-) 8,90	
29	UBND tỉnh Đồng Tháp	62,11	(-) 2,38	
30	UBND tỉnh Bến Tre	62,09	(-) 2,07	
31	UBND tỉnh Cao Bằng	62,05	(-) 0,52	
32	UBND tỉnh Long An	61,72	(-) 5,99	
33	UBND tỉnh Yên Bái	61,35	(-) 11,81	
34	UBND tỉnh Sơn La	61,2	(-) 3,86	
35	UBND tỉnh Điện Biên	60,61	(-) 3,16	
36	UBND tỉnh Tây Ninh	59,43	(-) 6,94	
37	UBND tỉnh Hà Tĩnh	59,39	(-) 8,13	
38	UBND tỉnh Ninh Bình	59,27	(-) 7,13	
39	UBND tỉnh Bình Phước	58,54	(-) 4,79	
40	UBND tỉnh Bắc Ninh	58,33	(-) 7,89	
41	UBND Thành phố Hồ Chí Minh	57,68	(-) 3,37	
42	UBND tỉnh Phú Yên	57,65	(-) 2,00	
43	UBND tỉnh Khánh Hòa	56,74	(-) 12,52	
44	UBND tỉnh Thái Bình	56,02	(-) 3,05	

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Điểm đánh giá trong tháng 02/2024	Tăng (+), giảm (-) so với T01/2024	Ghi chú
45	UBND tỉnh Lai Châu	55,54	(-) 10,50	
46	UBND Thành phố Hải Phòng	55,08	(-) 4,55	
47	UBND tỉnh Quảng Bình	54,63	(-) 3,64	
48	UBND tỉnh Tiền Giang	54,41	(-) 4,23	
49	UBND tỉnh Quảng Ninh	53,95	(-) 3,61	
50	UBND tỉnh Ninh Thuận	53,53	(-) 5,55	
51	UBND tỉnh Trà Vinh	52,54	(-) 3,40	
52	UBND tỉnh Đồng Nai	51,36	(-) 2,99	
53	UBND tỉnh Bình Thuận	51	(-) 4,20	
54	UBND Thành phố Đà Nẵng	50,96	(+) 1,04	
55	UBND tỉnh Thừa Thiên Huế	50,72	(-) 10,89	
56	UBND tỉnh Gia Lai	46,71	(-) 5,48	
57	UBND Thành phố Hà Nội	46,1	(-) 5,05	
58	UBND tỉnh Vĩnh Long	42,06	(-) 12,01	
59	UBND tỉnh Phú Thọ	41,06	(-) 17,74	
60	UBND tỉnh Hậu Giang	38,9	(-) 5,05	
61	UBND tỉnh Sóc Trăng	36,9	(-) 12,22	
62	UBND tỉnh Đắk Nông	36,78	(-) 7,05	
63	UBND tỉnh Bạc Liêu	24,56	(-) 2,07	

**Ghi chú**: Số liệu đánh giá tại thời điểm ngày 27/02/2024.

Phụ lục V

KT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHỨC  
TẠI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

THÁNG 02 NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024  
của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN đã tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý			Số PAKN còn tiếp tục xử lý chuyển sang tháng sau	
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tỷ lệ % so với tổng số
			Tháng 01/2024 chuyển sang	Tiếp nhận trong T02/2024		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = (4/1)%	8 = (1-4)
<b>Tổng cộng (I+II):</b>		<b>19,002</b>	<b>16,032</b>	<b>2,970</b>	<b>2,256</b>	<b>2,239</b>	<b>17</b>	<b>12%</b>	<b>16,746</b>
<b>I</b>	<b>BỘ, NGÀNH</b>	<b>18,068</b>	<b>15,866</b>	<b>2,202</b>	<b>1,536</b>	<b>1,530</b>	<b>6</b>	<b>9%</b>	<b>16,532</b>
1	Bộ Công an	17635	15,814	1,821	1244	1,244	0	7%	16,391
2	Bộ Công Thương	0			0			-	0
3	Bộ Giao thông vận tải	60	15	45	25	25	0	42%	35
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0			0			0%	0
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	5	3	2	5	5	0	100%	0
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	0			0			-	0
7	Bộ Lao động - TB và XH	1	0	1	1	1	0	0%	0
8	Bộ Ngoại giao	5	0	5	10	5	5	0%	-5
9	Bộ Nội vụ	5	0	5	5	5	0	100%	0
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	5	0	5	3	3	0	60%	2
11	Bộ Quốc phòng	12	6	6	12	12	0	100%	0
12	Bộ Tài chính	78	0	78	45	45	0	58%	33
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	141	0	141	96	96	0	68%	45
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	0			0			-	0
15	Bộ Tư pháp	0			0			0%	0
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và DL	0	0	0	0	0	0	0%	0
17	Bộ Xây dựng	22	0	22	20	20	0	0%	2
18	Bộ Y tế	10	0	10	2	1	1	20%	8
19	NH Nhà nước Việt Nam	7	2	5	2	2	0	29%	5
20	Thanh tra Chính phủ	0			0			-	0
21	Ủy ban dân tộc	0	0	0	0	0	0	0%	0
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	81	26	55	65	65	0	80%	16
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	0	1	1	1	0	0%	0
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	0	0%	0
<b>II</b>	<b>ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>934</b>	<b>166</b>	<b>768</b>	<b>720</b>	<b>709</b>	<b>11</b>	<b>77%</b>	<b>214</b>
1	An Giang	9	0	9	8	8	0	89%	1
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	8	0	8	8	8	0	100%	0
3	Bắc Giang	3	0	3	3	3	0	100%	0

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN đã tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý				Số PAKN còn tiếp tục xử lý chuyển sang tháng sau
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tỷ lệ % so với tổng số	
			Tháng 01/2024 chuyển sang	Tiếp nhận trong T02/2024		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = (4/1)%	8 = (1-4)
4	Bắc Kạn	6	0	6	2	2	0	0%	4
5	Bạc Liêu	4	0	4	4	4	0	100%	0
6	Bắc Ninh	8	0	8	6	6	0	75%	2
7	Bến Tre	3	0	3	3	3	0	100%	0
8	Bình Định	10		10	9	9		90%	1
9	Bình Dương	26	6	20	26	26	0	100%	0
10	Bình Phước	10	2	8	3	3	0	30%	7
11	Bình Thuận	39	26	13	17	17	0	44%	22
12	Cà Mau	5	0	5	5	5	0	100%	0
13	Cao Bằng	0			0			-	0
14	Cần Thơ	11	0	11	1	1	0	9%	10
15	Đà Nẵng	94	0	94	76	76	0	81%	18
16	Đắk Lắk	15	7	8	15	15	0	100%	0
17	Đắk Nông	2	0	2	2	2	0	100%	0
18	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0%	0
19	Đồng Nai	84	15	69	64	64	0	76%	20
20	Đồng Tháp	0			0			-	0
21	Gia Lai	17		17	15	15	0	88%	2
22	Hà Giang	4	0	4	1	1	0	25%	3
23	Hà Nam	47		47	30	30	0	64%	17
24	Hà Nội	149	0	149	149	149	0	100%	0
25	Hà Tĩnh	0	0	0	0	0	0	0%	0
26	Hải Dương	0			0			-	0
27	Hải Phòng	27	18	9	8	8	0	30%	19
28	Hậu Giang	6	3	3	6	6	0	100%	0
29	Hòa Bình	12		12	5	5	0	42%	7
30	Hưng Yên	1	1	0	0	0	0	0%	1
31	Khánh Hòa	19		19	17	17		89%	2
32	Kiên Giang	5	0	5	0	0	0	0%	5
33	Kon Tum	1	0	1	1	1	0	100%	0
34	Lai Châu	0	0	0	0	0	0	0%	0
35	Lâm Đồng	10	0	10	9	9	0	90%	1
36	Lạng Sơn	15	0	15	7	7	0	47%	8
37	Lào Cai	1	0	1	1	1	0	100%	0
38	Long An	7	0	7	6	6	0	86%	1
39	Nam Định	13	0	13	13	13	0	100%	0
40	Nghệ An	15	0	15	15	15	0	100%	0
41	Ninh Bình	1	0	1	1	1	0	0%	0

Số TT	Tên bộ, ngành, địa phương	Số PAKN đã tiếp nhận để xử lý			Số PAKN đã xử lý			Số PAKN còn tiếp tục xử lý chuyển sang tháng sau	
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:			Tỷ lệ % so với tổng số
			Tháng 01/2024 chuyển sang	Tiếp nhận trong T02/2024		Đúng hạn	Quá hạn		
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = (4/1)%	8 = (1-4)
42	Ninh Thuận	7	1	6	7	7	0	100%	0
43	Phú Thọ	0			0			-	0
44	Phú Yên	4	0	4	4	4	0	100%	0
45	Quảng Bình	3	0	3	3	3	0	100%	0
46	Quảng Nam	3	2	1	2	2	0	67%	1
47	Quảng Ngãi	11	0	11	7	7	0	64%	4
48	Quảng Ninh	2	0	2	2	2	0	100%	0
49	Quảng Trị	0			0			-	0
50	Sóc Trăng	2	0	2	2	2	0	100%	0
51	Sơn La	2	0	2	2	2	0	100%	0
52	Tây Ninh	17	11	6	10	10	0	59%	7
53	Thái Bình	0			0			-	0
54	Thái Nguyên	4	0	4	4	4	0	100%	0
55	Thanh Hóa	45	20	25	34	34	0	76%	11
56	TP. Hồ Chí Minh	130	50	80	93	82	11	72%	37
57	Thừa Thiên - Huế	3	0	3	1	1	0	33%	2
58	Tiền Giang	0	0	0	0	0	0	-	0
59	Trà Vinh	7	0	7	6	6	0	86%	1
60	Tuyên Quang	0			0			-	0
61	Vĩnh Long	0			0			-	0
62	Vĩnh Phúc	6	4	2	6	6	0	100%	0
63	Yên Bái	1	0	1	1	1	0	100%	0



**Phụ lục VI**

**TỔNG HỢP TRẢ LỜI ĐỐI VỚI NHỮNG ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG  
TẠI BÁO CÁO CẢI CÁCH TTHC THÁNG 02 NĂM 2024 THUỘC THẨM QUYỀN CỦA VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-VPCP ngày tháng năm 2024 của Văn phòng Chính phủ)

Số TT	Bộ, ngành, địa phương có đề xuất, kiến nghị	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Nội dung trả lời của Văn phòng Chính phủ
<b>I</b>	<b>NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA</b>		
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Việc kết nối, tích hợp, liên thông chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa Công Dịch vụ công quốc gia với các bộ, ngành hoặc giữa bộ, ngành với địa phương còn khó khăn. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đồng bộ toàn bộ hồ sơ (gồm thông tin hồ sơ, quá trình xử lý và kết quả giải quyết hồ sơ TTHC) từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ lên Công Dịch vụ công quốc gia và quá trình đồng bộ ghi nhận thành công. Tuy nhiên, Hệ thống Công Dịch vụ công quốc gia mới chỉ theo dõi, kiểm tra được thông tin hồ sơ đồng bộ (thông tin chính) và quá trình xử lý; chưa theo dõi, kiểm tra tài liệu đính kèm (bao gồm thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết) từ Hệ thống của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p> <p>Bộ đề nghị Văn phòng Chính phủ hỗ trợ, hướng dẫn để Bộ có thể kiểm tra, rà soát được việc đồng bộ hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ lên Công Dịch vụ công quốc gia để bảo đảm các tỷ lệ tích hợp phản ánh được thực chất việc thực hiện các nhiệm vụ của Bộ. Đồng thời, đề nghị chỉ đạo cán bộ kỹ thuật kịp thời hỗ trợ Bộ trong quá trình kiểm tra, rà soát việc kết</p>	<p>Văn phòng Chính phủ đã cung cấp thông tin các hồ sơ được đồng bộ thành công. Đối với các hồ sơ còn lại, đề nghị Bộ xây dựng công cụ theo dõi tình hình, kết quả đồng bộ hồ sơ giữa Công dịch vụ công của Bộ và Công dịch công quốc gia và có phương án xử lý trong trường hợp xảy ra lỗi (định kỳ gửi lại thông tin hồ sơ).</p> <p>Đầu mỗi Văn phòng Chính phủ thường xuyên trao đổi, phản hồi lại thông tin theo đề nghị của Bộ trong nhóm kỹ thuật của hai cơ quan.</p>

		nội, tích hợp giữa Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ và Cổng Dịch vụ công quốc gia.	
2	UBND các tỉnh: Bắc Ninh, Bình Dương	Văn phòng Chính phủ hỗ trợ địa phương điều chỉnh thời gian giải quyết đối với TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong việc điều chỉnh cập nhật nội dung TTHC công bố theo Quyết định và trên hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia tạo điều kiện cho địa phương đồng bộ hồ sơ (thời gian ngày làm việc và ngày; tổng thời gian thực hiện và thời gian thực hiện tại các bước...) dẫn đến tiến độ giải quyết hồ sơ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia bảo trễ hạn...	Việc đánh giá tiến độ giải quyết đối với các hồ sơ TTHC được căn cứ vào các nội dung công bố, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.
3	UBND tỉnh Quảng Bình	Cung cấp giải pháp kỹ thuật chia sẻ dữ liệu hồ sơ thủ tục giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng dịch vụ công tỉnh (UBND tỉnh đã có Công văn số 1792/UBND-KSTT ngày 11/9/2023 gửi Văn phòng Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa nhận được phản hồi từ Văn phòng Chính phủ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội).	Văn phòng Chính phủ đang tích cực làm việc với địa phương về nội dung này để thống nhất tài liệu kỹ thuật, thông tin dữ liệu cần trao đổi với các bên.
4	UBND các tỉnh: Thanh Hóa, Lạng Sơn	Khắc phục lỗi đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành Trung ương với Cổng Dịch vụ công quốc gia, đảm bảo trạng thái xử lý hồ sơ chính xác, đồng nhất giữa các cổng dịch vụ công.	Thực hiện trách nhiệm được giao tại Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg, Văn phòng Chính phủ đã hướng dẫn tích hợp, đồng bộ hồ sơ và công khai tại mục “Hướng dẫn sử dụng” cho các bộ, ngành, địa phương trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-huong-dan-bo-nganh-dia-phuong.html">https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-huong-dan-bo-nganh-dia-phuong.html</a> . Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ luôn tích cực tiếp nhận phản hồi, trao đổi, phối hợp với bộ, ngành, địa phương

			thông qua việc trả lời bằng văn bản và qua các kênh (tổng đài hỗ trợ, nhóm zalo, viber...) để tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc liên quan đến Công Dịch vụ công quốc gia, trong đó, bao gồm cả việc hướng dẫn đồng bộ hồ sơ TTHC từ Hệ thống TTGQTTHC của bộ, ngành, địa phương lên Công Dịch vụ công quốc gia, nhằm bảo đảm dữ liệu được đồng bộ nhanh chóng, kịp thời.
<b>II</b>	<b>NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA</b>		
1	UBND tỉnh Bắc Giang, Long An	Đề nghị Văn phòng Chính phủ: (i) nghiên cứu không đưa các đơn vị không thực hiện giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa vào đánh giá tỉ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; (ii) nghiên cứu, có giải pháp kỹ thuật để chia sẻ dữ liệu kết quả đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo thời gian thực từ Công dịch vụ công quốc gia cho Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh để kết nối, tái sử dụng dữ liệu trong việc chỉ đạo, điều hành, đánh giá, đôn đốc, chấn chỉnh đến từng sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã theo đúng quy định của Quyết định số 766/QĐ-TTg.	(i) Văn phòng Chính phủ ghi nhận đề xuất của địa phương và sẽ nghiên cứu hoàn thiện thêm các tính năng của Công Dịch vụ công quốc gia trong thời gian tới. (ii) Các số liệu công khai trên Công dịch vụ công quốc gia hiện nay đã được công khai theo các đơn vị Sở, ngành, cấp huyện, cấp xã. Một số chỉ số của sở, ngành do địa phương chưa cập nhật và định danh đầy đủ nên chưa phân tách. Vấn đề này đã được Văn phòng Chính phủ phối hợp với các địa phương để xử lý, dự kiến hoàn thành trong Quý I năm 2024.
2	UBND tỉnh Ninh Thuận	1. Quan tâm sớm cung cấp cho tỉnh danh sách hồ sơ TTHC đang xử lý quá hạn để kịp thời xử lý theo quy định. Đồng thời, cho phép tỉnh có thể theo dõi, kết xuất chi tiết danh sách hồ sơ TTHC được tiếp nhận từ Công Dịch vụ công quốc gia để chủ động nhắc nhở, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức để xảy ra chậm muộn theo chỉ đạo của	1. Hiện nay, Công Dịch vụ công quốc gia đã phân quyền cho các địa phương chủ động theo dõi tiến độ giải quyết TTHC cũng như danh sách hồ sơ TTHC đã và đang được giải quyết cũng như các hồ sơ TTHC bị giải quyết quá hạn. Đối với việc chiết xuất danh sách hồ sơ TTHC quá hạn, Văn phòng Chính phủ đang tích cực phối hợp làm việc với

	<p>Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 10198/VPCP-KSTT ngày 29/12/2023 không đề tỉnh bị đôn đốc, nhắc nhở như hiện nay.</p> <p>2. Sớm hoàn thiện đầy đủ các tính năng Bộ Chỉ số tại Quyết định 766/QĐ-TTg, cụ thể:</p> <p>a) Bổ sung các chức năng thống kê, báo cáo, cho phép kết xuất Danh sách cơ quan, đơn vị theo đúng 5 nhóm chỉ số trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để tỉnh có thể tra cứu, thống kê được hồ sơ của địa phương đã được đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia như: thống kê hồ sơ đã đồng bộ theo mã định danh của đơn vị, thống kê được hồ sơ đã gắn kết quả điện tử, thống kê được hồ sơ mà trường dữ liệu số hóa set bằng 1... để kịp thời tìm giải pháp khắc phục, nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng tốt hơn.</p> <p>b) Thực hiện nâng cấp, có thể tra cứu trạng thái hồ sơ đồng bộ từ Cổng DVC tỉnh lên Cổng DVC quốc gia theo mã định danh, thời gian và các tiêu chí khác, kiểm soát được tình trạng đồng bộ hồ sơ và tìm nguyên nhân khắc phục những trường hợp chưa đồng bộ được lên Cổng DVC quốc gia. Đồng thời, tìm được nguyên nhân các chỉ số chưa phù hợp với số liệu trên cổng DVC của tỉnh đối soát với Cổng DVC quốc gia. Kịp thời ban hành Văn bản hướng dẫn thực hiện trước khi thay đổi cách thống kê số liệu tính điểm trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để tỉnh có cơ sở xây dựng giải pháp khắc phục đối với các tiêu chí chưa đạt.</p>	<p>VNPT và dự kiến trong Quý I năm 2024 sẽ hoàn thành nâng cấp chức năng này trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>2. Hiện tại, Cổng dịch vụ quốc gia đã thực hiện việc phân quyền cho các địa phương để chủ động trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ liên quan đến chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử, phục vụ cho công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành tại địa phương. Đồng thời, Bộ chỉ số cũng đã được công khai theo thời gian thực trên Cổng Dịch vụ công quốc gia để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát, đánh giá.</p>
--	--	--



1	Bộ Giao thông vận tải	<p>Hiện nay, Cơ sở dữ liệu TTHC còn tồn tại một số lỗi kỹ thuật, như không tìm được mã TTHC để cập nhật nội dung được sửa đổi, bổ sung dẫn đến không thực hiện được việc công khai TTHC (Ví dụ 02 thủ tục HC mã 1.001001, 1.005018). Đề nghị Văn phòng Chính phủ sớm khắc phục lỗi hệ thống hoặc có hướng dẫn phương án xử lý để đảm bảo việc cập nhật, công khai TTHC được kịp thời, thuận lợi.</p>	<p>Qua kiểm tra, Văn phòng Chính phủ nhận thấy: nguyên nhân lỗi là do Bộ GTVT cập nhật QĐCB và TTHC nhưng không tích vào các TTHC trước khi bấm Công khai. Đề nghị Bộ kiểm tra lại các QĐCB và tích công khai lại các TTHC trước khi cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung mới.</p>
2	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Hệ thống cơ sở dữ liệu về TTHC, mục “thành phần hồ sơ” không có chức năng sửa từng thành phần hồ sơ mà phải xóa toàn bộ thành phần hồ sơ đi sau đó phải nhập mới lại từ đầu, nếu TTHC nào có thành phần hồ sơ nhiều thì Hệ thống cũng không cho lưu gây khó khăn bất cập cho công tác công bố, công khai, sửa đổi, bổ sung thông tin trên Hệ thống, việc rất khó thao tác trên Hệ thống cũng là nguyên nhân không kịp thời trong việc công bố, công khai các quyết định về TTHC.</p> <p>Trường hợp trong quá trình thao tác, các đơn vị có thể chọn nhầm vào chức năng “bãi bỏ”... trên Hệ thống thì không có cách nào để khôi phục lại được về trạng thái cũ. Đăng nhập khó khăn, nhiều mã hồ sơ TTHC bị ẩn không tra cứu ra trong quá trình công khai TTHC và sửa đổi bổ sung.</p>	<p>- CSDLQGTTTHC có chức năng sửa trực tiếp từng thành phần hồ sơ tại trường “Thành phần hồ sơ” của TTHC và tại chức năng quản trị Danh mục thành phần hồ sơ. Về phản ánh: “thành phần hồ sơ nhiều thì Hệ thống không cho lưu...” đề nghị Bộ cung cấp dẫn chứng cụ thể để Văn phòng Chính phủ kiểm tra vì từ khi đi vào vận hành đến nay, Văn phòng Chính phủ chưa nhận được phản ánh của Bộ, ngành, địa phương nào về vấn đề này.</p> <p>- Theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg, dữ liệu TTHC trên CSDLQGTTTHC là dữ liệu dùng chung, phục vụ giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, được kết nối, chia sẻ với Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành khác. Do đó, mọi thao tác thêm mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC đều ảnh hưởng đến việc đồng bộ dữ liệu của tất cả các hệ thống có liên quan như đã nêu trên. Do đó, đề nghị Bộ TNMT nghiên cứu kỹ các quy định về cập nhật TTHC bãi bỏ (Điều 19 QĐ số</p>

			31/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) để thực hiện theo đúng yêu cầu của CP, TTgCP.
3	Bộ Y tế	Kiến nghị sửa CSDL Quốc gia về TTHC: Bổ sung phần thay thế TTHC trong phần mềm CSDL Quốc gia về TTHC để các Bộ, ngành thực hiện theo Quyết định công bố chuẩn; Tiếp tục kết nối, cập nhật và kiểm tra tình hình cập nhật các văn bản QPPL trên CSDL quốc gia về pháp luật kịp thời để các Bộ ngành có đầy đủ căn cứ pháp lý khi công khai TTHC	Đề nghị Bộ thực hiện quy trình thêm các TTHC mới được công bố và bãi bỏ các TTHC không còn hiệu lực trong trường hợp cần thay thế các TTHC.
<b>IV NHÓM NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN HỆ THỐNG TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA</b>			
1	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Hệ thống Phản ánh kiến nghị của Công Dịch vụ công quốc gia chưa đáp ứng được các yêu cầu đề ra, cụ thể: Không thống kê được số liệu chuẩn theo lĩnh vực; mục “Công khai TTHC” không thể bấm công khai được vì Hệ thống yêu cầu phát sinh là phải đính thêm “file”; bị ẩn PAKN, cụ thể là mã PAKN số 202302230016... dẫn đến việc chậm muộn trong quá trình xử lý các PAKN; không có trường thông tin ngày công khai trong danh mục công khai trên Hệ thống và các PAKN bị trộn lẫn thông tin công khai giữa của Bộ và của tỉnh; không hiện thời gian tiếp nhận, thời gian xử lý và thời gian công khai ở giao diện của các danh mục (công chức phải vào từng PAKN để rà soát, thống kê, đếm thủ công, tách từng PAKN của tỉnh và của Bộ) dẫn đến việc khó khăn trong quá trình tổng hợp số liệu báo cáo định kỳ và khó khăn trong quá trình rà soát phục vụ công tác chấm điểm cải cách hành chính hàng năm.	Văn phòng Chính phủ sẵn sàng tiếp nhận ý kiến góp ý hoàn thiện hệ thống của BTNMT cũng như các Bộ, cơ quan, địa phương khác. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, sử dụng nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị BTNMT kịp thời thông tin cho Văn phòng Chính phủ để phối hợp xử lý để không ảnh hưởng tiến độ xử lý PAKN của ND, DN. Cụ thể: - Đối với PAKN có mã số PAKN.20230223.0016 (Công dân Dương Thị Thu Huyền), Văn phòng Chính phủ đã kiểm tra và nhận thấy: PAKN được công dân gửi ngày 23/02/2023 tới UBND TP. Hà Nội và được TP chuyển cho Bộ ngay trong ngày 23/02/2023, tuy nhiên đến 04/01/2024 Bộ TNMT mới tiếp nhận và chuyển các đơn vị xử lý với nội dung: “ <i>Chuyển xử lý do câu này tồn từ hỏi tên cũ</i> ”. Quá trình xử lý, Văn phòng Chính phủ không nhận được bất kỳ phản ánh nào của Bộ về việc PAKN “bị ẩn”.

			- Việc thống kê số liệu chuẩn theo lĩnh vực phụ thuộc vào quá trình phân loại khi tiếp nhận PAKN như quy định tại QĐ số 31/2021/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, các chức năng hệ thống, bao gồm hiển thị thời gian tiếp nhận, xử lý, việc tổng hợp báo cáo đều đã có trên hệ thống. Đề nghị Bộ TNMT nghiên cứu để khai thác, sử dụng; trong trường hợp cần nâng cấp, điều chỉnh, đề nghị mô tả cụ thể nhu cầu đề Văn phòng Chính phủ tổng hợp, có phương án chỉnh sửa.
2	UBND tỉnh Bắc Kạn	Có giải pháp để chặn/ lọc các phản ánh, kiến nghị của người dân với cùng một nội dung đã được giải quyết, xử lý để không ảnh hưởng đến điểm số tiêu chí về mức độ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị của tỉnh.	Văn phòng Chính phủ xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu giải pháp cho vấn đề này
<b>V</b>	<b>NHÓM NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN</b>		
1	Bộ Ngoại giao	Về việc công bố TTHC đúng hạn: Bộ Ngoại giao đang tích cực rà soát, hoàn thiện hồ sơ công bố 23 TTHC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-BNG ngày 26/12/2023 và 07/2023/TT-BNG ngày 29/12/2023 sửa đổi các VBQPPL nhằm đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao. Do số lượng TTHC lớn, liên quan trực tiếp đến người dân và được thực hiện chủ yếu tại Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài nên việc rà soát, công bố cần tiến hành cẩn trọng, tránh sai sót dẫn đến việc phải công bố lại. Bên cạnh đó, do các VBQPPL sửa đổi bổ sung thêm lựa chọn giải quyết một số TTHC qua môi trường điện tử nên việc công bố cũng cần rà soát kỹ lưỡng, tránh tình trạng công bố mà không thể thực hiện.	1. Về công bố, công khai TTHC: theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, Quyết định công bố TTHC của các bộ, cơ quan ngang bộ phải được ban hành chậm nhất trước 20 ngày tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC có hiệu lực thi hành. Đối với 23 TTHC được sửa đổi, bổ sung tại được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-BNG ngày 26/12/2023 và 07/2023/TT-BNG ngày 29/12/2023 là đã quá thời hạn theo quy định, do vậy đề nghị Bộ Ngoại giao khẩn trương thực hiện công bố TTHC và công khai, bảo đảm tính công khai, minh bạch, dễ tiếp cận của TTHC. 2. Đối với các TTHC được lựa chọn cung cấp trên môi trường điện tử, đề nghị Bộ Ngoại giao nghiên cứu và thực hiện việc cung cấp theo các quy định tại Nghị định





		Do đó, đề nghị Văn phòng Chính phủ quan tâm, phối hợp, hướng dẫn Bộ Ngoại giao phương án giải quyết phù hợp.	số 45/2020/NĐ-CP về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử và Chương III Thông tư số 01/2023/TT-VPCP về rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
2	Bộ Y tế	Sửa đổi Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát TTHC, trong đó bổ sung mẫu Quyết định công bố TTHC được thực hiện tại các Bộ ngành nhưng thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ khác; sửa mẫu Quyết định công bố TTHC phù hợp với phần mềm CSDL Quốc gia về TTHC để các Bộ, ngành thực hiện theo quy định chuẩn; sửa Mẫu Danh mục đính kèm Quyết định công bố phù hợp với quy định về thể thức văn bản tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP; Nơi nhận của Quyết định công bố, ngoài việc gửi UBND các tỉnh/thành phố cần gửi cho đơn vị chuyên môn (Sở/ngành) tại các địa phương để tham mưu cho UBND tỉnh kịp thời.	<p>Đối với việc công bố TTHC tại các bộ, ngành, Điều 7 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ đã quy định trách nhiệm của các đơn vị chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ trong việc xây dựng quyết định công bố TTHC trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ, ngành mình. Do đó, đề nghị của Bộ về việc bổ sung mẫu quyết định công bố TTHC được thực hiện tại các Bộ ngành nhưng thuộc thẩm quyền quản lý của các Bộ khác là chưa hợp lý bởi các bộ, ngành (bao gồm cả bộ khác) cũng là cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết TTHC. Theo đó, đây là một bộ phận cấu thành của TTHC, đã có trong dự thảo quyết định công bố. Do đó, đề nghị đối với TTHC thực hiện ở bộ khác thì cần mô tả cụ thể chi tiết trong cơ quan thực hiện TTHC.</p> <p>Đối với việc cập nhật, công khai TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC: Đây là trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương. Do đó, đề nghị các bộ, ngành, địa phương rà soát chuẩn hóa cập nhật dữ liệu TTHC trên CSDL quốc gia về TTHC theo đúng quy định.</p> <p>Đối với các nội dung khác, Văn phòng Chính phủ sẽ nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2017/TT-VPCP.</p>